

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

(V/v: Mời chào giá gói thầu “Cung cấp dịch vụ Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt cho Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực 333 năm 2024 -2025”)

Kính gửi: Các Quý công ty (Nhà thầu)

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ tình hình nhu cầu thực tế tại đơn vị. Để có cơ sở xây dựng giá gói thầu, Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực 333 mời quý Công ty/Đơn vị có đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực tham gia chào giá cho gói thầu: “Cung cấp dịch vụ Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt cho Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực 333 năm 2024 -2025” với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực 333 - Thôn 1, xã Eakar, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:** Bộ phận văn thư – Bệnh viện đa khoa đa khoa khu vực 333 - Thôn 1, xã Eakar, huyện Eakar, Đắk Lắk. Liên hệ: CN Mai. 0987236186

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:** Quý Công ty/Đơn vị nộp 03 bản giấy và 01 file PDF báo giá và các tài liệu liên quan (nếu có) về địa chỉ:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư - Bệnh viện đa khoa đa khoa khu vực 333 - Thôn 1, xã Eakar, huyện Eakar, Đắk Lắk

- Nhận qua email: bvdckhuvuc333@gmail.com

**4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ 08h ngày 19 tháng 07 năm 2024 đến trước 17h ngày 28 tháng 07 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

**5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày ngày 28 tháng 07 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu báo giá:

Loại hình bảo hiểm	Bảo hiểm tài sản cháy, nổ và các rủi ro đặc biệt
Người được bảo hiểm	Bệnh viện đa khoa đa khoa khu vực 333
Thời hạn bảo hiểm	12 tháng kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực



<b>Tài sản được bảo hiểm</b>	Danh mục tài sản yêu cầu bảo hiểm theo phụ lục 01 đính kèm.
<b>Phạm vi bảo hiểm</b>	Theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 23/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc)
<b>Rủi ro được bảo hiểm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• (A) Cháy</li> <li>• (B) Nổ</li> </ul>

2. Bảng chào giá theo mẫu chào giá theo phụ lục II đính kèm.
3. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện đa khoa đa khoa khu vực 333 - Thôn 1, xã Eađar, huyện Eakar, Đắk Lắk
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng: Không áp dụng, thanh toán hợp đồng: Theo tiến độ khối lượng thực hiện

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị.

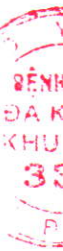
Trân trọng ./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Ban GD (để b/c);
- P. CNTT (đăng tải Website);
- P. TCKT;
- Lưu: VT, VT-TBYT (02b).



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Bs CKI. Nguyễn Thị Kim Thành





**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC TÀI SẢN YÊU CẦU BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC VÀ CÁC RỦI RO ĐẶC BIỆT**

( Đính kèm thông báo mời chào giá số : 398/TM-BV ngày 18/01/20...của Bệnh viện Đa Khoa khu vực 333)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Số hao mòn các năm trước chuyển sang	Giá trị còn lại
1	Khối nhà chính	2011	2014	1	39,223,970,000	7,392,419,620	31,831,550,380
3	Khu nhà khoa xét nghiệm	2021	2022	1	3,954,884,000	316,390,720	3,638,493,280
8	Hệ thống khí y tế trung tâm có khí nén, áp lực âm và Hệ thống bồn chứa oxy hóa lỏng	2022	2022	1	4,409,114,000	588,175,808	3,820,938,192
17	Nhà mô	1990	1990	1	797,530,000	797,530,000	-
31	Trạm biến áp 450KVA	2011	2014	1	550,490,000	550,490,000	-
36	Máy giặt vải >30Kg	2011	2011	1	399,000,000	399,000,000	-
37	Máy hệ thống mạng tin học	2009	2009	2	508,000,000	508,000,000	-
38	Hệ thống thang máy (Khoa xét nghiệm)	2023	2023	1	920,797,000	230,199,250	690,597,750
41	Bàn mô đa năng thủy lực	2011	2011	1	229,000,000	229,000,000	-
43	Bàn mô sản khoa	2010	2010	1	110,250,000	110,250,000	-
51	Bộ khám TMH	2012	2012	2	260,000,000	260,000,000	-
52	Hệ thống nội soi tiết niệu	2009	2009	1	790,000,000	790,000,000	-
53	Bộ phẫu thuật xương	2011	2011	1	169,000,000	169,000,000	-
57	Đầu đọc XQ kỹ thuật số cao tần	2020	2020	1	320,000,000	133,333,334	186,666,666
59	Đèn mô cố định ánh sáng lạnh	2014	2014	1	349,000,000	349,000,000	-
60	Đèn mô treo trần >=120.000LUX	2008	2008	2	236,000,000	236,000,000	-
64	Giường bệnh nhân	2021	2021	100	1,250,000,000	392,857,143	857,142,857
65	Giường cấp cứu điều khiển điện	2019	2019	5	650,000,000	338,000,000	312,000,000
66	Giường kéo cột sống, cò chạy điện	2008	2008	1	103,500,000	103,500,000	-
67	Hệ thống nội soi dạ dày tá tràng	2020	2020	1	1,449,000,000	603,750,000	845,250,000
70	Hệ thống phẫu thuật nội soi	2021	2021	1	2,849,000,000	895,400,000	1,953,600,000
75	Lò hấp xử lý chất thải bệnh viện	2019	2019	1	4,495,000,000	1,412,714,286	3,082,285,714
76	Lồng áp dưỡng nhi	2008	2008	1	119,200,000	119,200,000	-
78	Lồng ấp sơ sinh	2011	2011	1	139,500,000	139,500,000	-
79	Lồng ấp sơ sinh (YD-F258B)	2009	2009	1	132,000,000	132,000,000	-
80	Lồng ấp trẻ sơ sinh	2007	2007	1	169,800,000	169,800,000	-
82	Máy cây nước 2L/h + Bộ lọc	2009	2009	1	143,000,000	143,000,000	-
83	Máy chủ 2	2017	2017	1	213,840,000	213,840,000	-
84	Máy điện nạo	2016	2016	1	672,300,000	672,300,000	-
85	Máy đo khúc xạ kế và độ cong giác mạc TD	2010	2010	1	262,500,000	262,500,000	-
86	Máy đo khúc xạ tự động	2009	2009	1	179,300,000	179,300,000	-
87	Máy gây mê Druger	2009	2009	1	595,000,000	595,000,000	-
91	Máy giặt vải 30 kg	2009	2009	1	342,000,000	342,000,000	-
92	máy hấp tiết trùng 339 lít	2008	2008	1	239,500,000	239,500,000	-
93	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	2011	2011	1	250,000,000	250,000,000	-
94	Máy huyết học tự động 18 thông số	2015	2015	1	288,960,000	288,960,000	-
95	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	2014	2014	1	535,000,000	535,000,000	-
96	Máy Laser nội mạch ( Thiết bị Laser He-Ne trị liệu)	2016	2017	3	304,500,000	304,500,000	-
97	Máy monitor 5 thông số	2020	2020	1	195,000,000	81,250,000	113,750,000
99	Máy phá rung tim	2011	2011	1	144,600,000	144,600,000	-
101	Máy phân tích huyết học tự động 20 thông số, 03 thành phần bạch cầu	2017	2017	2	638,000,000	638,000,000	-
108	Máy sấy đồ vải .30kg	2011	2011	1	299,800,000	299,800,000	-
109	Máy siêu âm 2 đầu dò đen trắng	2009	2009	1	286,000,000	286,000,000	-
111	Máy siêu âm Doppler màu 4D	2018	2019	1	1,975,000,000	1,027,000,000	948,000,000

112	Máy siêu âm trắng đen 3 đầu dò	2008	2008	1	348,000,000	348,000,000	-
113	Máy sinh hóa tự động	2015	2015	1	759,675,000	759,675,000	-
115	Máy soi TMH	2009	2009	1	253,000,000	253,000,000	-
116	Máy sóng ngắn điều trị	2008	2008	1	128,000,000	128,000,000	-
117	Máy sóng ngắn điều trị	2009	2009	1	156,000,000	156,000,000	-
118	Máy thở CPAP không xâm nhập chạy điện	2009	2009	2	260,000,000	260,000,000	-
121	Máy thở hoa kỳ VN	2020	2020	1	355,032,759	147,930,317	207,102,442
127	Máy X-Quang kỹ thuật số	2014	2015	1	4,119,000,000	4,119,000,000	-
128	Máy xét nghiệm dịch não tủy	2010	2010	1	132,300,000	132,300,000	-
129	Máy xét nghiệm HbA1c	2021	2021	1	29,500,000	9,271,429	20,228,571
130	Máy xét nghiệm miễn dịch	2020	2020	1	892,000,000	371,666,667	520,333,333
133	Máy XQuang di động	2011	2011	1	419,200,000	419,200,000	-
137	MONITOR phòng mổ 6 TS	2008	2008	1	210,000,000	210,000,000	-
138	MONITOR phòng mổ 6 TS	2011	2011	1	159,000,000	159,000,000	-
140	Monitor sản khoa 2 chức năng	2011	2011	1	141,500,000	141,500,000	-
141	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 TS	2011	2011	1	299,600,000	299,600,000	-
142	MONITOR Theo Dõi Bệnh Nhân 7 Thông số	2015	2016	1	270,000,000	270,000,000	-
143	Monitor theo dõi BN	2008	2008	1	149,500,000	149,500,000	-
152	Phần mềm quản lý bệnh viện	2011	2011	1	600,000,000	600,000,000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>173</b>	<b>81,829,642,759</b>	<b>32,801,703,574</b>	<b>49,027,939,185</b>

## PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời chào giá số : 338/TM-BV ngày 18./07/2024 của Bệnh viện Đa Khoa khu vực 333)

[ Thông tin nhà thầu/ đơn vị cung cấp báo giá ]

### BẢNG BÁO GIÁ

Căn cứ Thông báo mời chào giá số : .../TM-BV ngày .../.../... của Bệnh viện Đa Khoa khu vực 333 về việc đề nghị cung cấp báo giá cho gói thầu: [ ghi tên gói thầu], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] xin báo giá như sau:

1. Báo giá [ Form mẫu tham khảo, đơn vị báo giá có thể điều chỉnh cho phù hợp với hạng mục báo giá]

STT	Danh mục	Mô tả	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...	<b><u>Tổng cộng:</u></b>					

Ghi chú: .....

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

[Xác nhận của đơn vị báo giá]

